

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Trần Thị Ngọc;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Quý;

Ngày 26 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐ-HNGĐ ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Cẩm** sinh năm 1997 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh B

- Bị đơn: Ông **Hồ Xuân T2**, sinh năm: 1995 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn T3, xã T4, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm trình bày: Bà và ông T2 đăng ký kết hôn vào ngày 25/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T4. Bà và ông T2 đăng ký kết hôn nhưng chưa tổ chức lễ cưới thì cả hai xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về việc tổ chức lễ cưới, đến ngày hai bên thống nhất chọn là ngày cưới thì ông T2 vẫn không liên hệ với gia đình bà để tổ chức lễ cưới như đã lên kế hoạch, bà đã liên hệ với ông T2 thì ông T2 nói rằng cả hai không thể kết hôn được nữa, nói bà hãy làm thủ tục ly hôn. Nay bà không còn tình cảm với ông T2 nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Hồ Xuân T2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngoài Tòa án ngày 15/01/2021 ông T2 trình bày: Ông và bà N đăng ký kết hôn ngày 25/11/2020 cả hai chưa sống chung với nhau, dự định đến ngày 10/01/2021 thì sẽ tổ chức lễ cưới, nhưng khi đến thời gian hai bên hẹn đến nhà thờ công giáo làm các thủ tục chuẩn bị lễ cưới thì bà N không đồng ý đến nhà thờ để chuẩn bị lễ cưới nữa. Vì gia đình bà N cho rằng điều kiện kinh tế gia đình ông kém hơn nên không muốn cho bà N và ông kết hôn với nhau, bà N nghe theo lời cha mẹ chửi bới ông, ông cho rằng tình cảm cả hai đã rạn nứt, bà N còn đi chơi gặp gỡ nhiều người đàn ông khác nên bản thân ông thấy rằng cả hai không có khả năng hàn gắn được nữa. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật, ông còn bận công việc nên không đến Tòa án, Tòa án cứ giải quyết vắng mặt ông.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, bà Lê Thị Cẩm N được ly hôn với ông Hồ Xuân T2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Xuân T2, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hồ Xuân T2 có nơi cư trú tại thôn T3, xã T4, huyện H, tỉnh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ông Hồ Xuân T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông T2 đăng ký kết hôn ngày 25/11/2020 tại UBND xã T4, huyện H trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận cả hai đã đăng ký kết hôn, chưa sống chung với nhau, trong thời gian chuẩn bị lễ cưới thì xảy ra mâu thuẫn. Từ đó cả hai không tổ chức lễ cưới như kế hoạch, bà N và ông T2 từ sau khi đăng ký kết hôn đến nay không sống chung với nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 04/3/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện bà N và ông T2 có đăng ký kết hôn nhưng vì cả hai xảy ra mâu thuẫn với nhau nên không tổ chức lễ cưới, từ sau khi đăng ký kết hôn đến nay cả hai không sống chung với nhau.

Tại phiên tòa bà N khẳng định không còn tình cảm với ông T2 nữa và kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T2. Bản thân ông T2 được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm giữa các bên, tại biên bản lấy lời khai ông T2 không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N, ông cũng cho rằng tình cảm của hai người đã rạn nứt, không có khả năng hàn gắn được nữa, dù có cố gắng thì cũng khó lâu bền được và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những căn cứ nêu trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T2 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không sống chung, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T2.

[2.2] Về con chung: Không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm N đối với ông Hồ Xuân T2 về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm N được ly hôn với ông Hồ Xuân T2.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Bà Lê Thị Cẩm N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009389 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND xã Thắng Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

